



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.2648.1848>

TỰ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG VIẾT TIẾNG PHÁP CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGỮ TẠI ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Hoàng Thái^{1*}, Trần Doãn Vinh² và Trần Thị Thu Hương²

¹Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội/
Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

²Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: nhthai@ctu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 06/9/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 02/02/2026; Ngày duyệt đăng: 25/02/2026

Tóm tắt

Nghiên cứu này nhằm khảo sát thực trạng kỹ năng viết tiếng Pháp của sinh viên không chuyên ngữ tại Đại học Cần Thơ dựa trên dữ liệu tự đánh giá. Mục tiêu của nghiên cứu là xác định các điểm mạnh và hạn chế trong kỹ năng viết của nhóm sinh viên này. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng, thu thập dữ liệu tự đánh giá từ 273 sinh viên đang theo học các khóa học tiếng Pháp cơ bản tại trường. Bảng hỏi được thiết kế để đánh giá năm khía cạnh chính của kỹ năng viết: từ vựng, ngữ pháp, chính tả, cấu trúc văn bản và phong cách trình bày. Dữ liệu được phân tích bằng các thống kê mô tả, bao gồm điểm trung bình và độ lệch chuẩn, để đánh giá mức độ tự tin và nhận thức của sinh viên về từng thành phần kỹ năng. Kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên cảm thấy tự tin nhất ở kỹ năng chính tả (điểm trung bình = 3,55) và từ vựng (điểm trung bình = 3,52), phản ánh nền tảng ngôn ngữ cơ bản đã được hình thành tương đối vững chắc. Tuy nhiên, mức độ tự tin giảm rõ rệt ở các kỹ năng nâng cao như sử dụng đa dạng cấu trúc ngữ pháp (điểm trung bình = 3,12), câu phức (điểm trung bình = 3,05) và phong cách trình bày sinh động (điểm trung bình = 3,14). Những kết quả này cho thấy sinh viên vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc vận dụng linh hoạt ngữ pháp và tổ chức đoạn văn phức hợp, từ đó đặt ra yêu cầu tăng cường các hoạt động thực hành chuyên sâu trong chương trình giảng dạy tiếng Pháp không chuyên.

Từ khóa: Sinh viên không chuyên ngữ, tiếng Pháp, tự đánh giá, viết.

Trích dẫn: Nguyễn, H. T., Trần, D. V., & Trần, T. T. H. (2026). Tự đánh giá kỹ năng viết tiếng Pháp của sinh viên không chuyên ngữ tại Đại học Cần Thơ. *Tap chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, Online First*, 1-15. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.2648.1848>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

CURRENT FRENCH WRITING SKILLS OF NON-MAJOR STUDENTS AT CAN THO UNIVERSITY THROUGH SELF-ASSESSMENT

Nguyen Hoang Thai^{1*}, Tran Doan Vinh², and Tran Thi Thu Huong²

¹*University of Education, Vietnam National University, Hanoi, Vietnam/
School of Foreign Languages, Can Tho University, Vietnam*

²*University of Education, Vietnam National University, Hanoi, Vietnam*

**Corresponding author, Email: nhthai@ctu.edu.vn*

Article history

Received: 6/9/2025; Received in revised form: 2/2/2026; Accepted: 25/2/2026

Abstract

This study investigates the current French writing skills among non-major students at Can Tho University through self-assessment. It is to identify strengths and limitations in students' writing abilities. Quantitative data were collected from 273 students enrolled in basic French courses. The questionnaire assessed five key components of writing skills: vocabulary, grammar, spelling, text structure, and presentation style. Descriptive statistics, including mean scores and standard deviations, were used to evaluate students' confidence and self-perception in each area. Results indicate that students feel most confident in spelling (mean = 3.55) and vocabulary (mean = 3.52), suggesting a solid foundation in these two basic skills. However, confidence significantly drops in more advanced aspects such as diverse grammatical structures (mean = 3.12), complex sentence construction (mean = 3.05), and dynamic presentation style (mean = 3.14). These findings highlight the need for enhanced instructional focus on practical writing activities to support the development of higher-order writing skills.

Keywords: *French, non-major students, self-assessment, writing.*

1. Giới thiệu

Trong bốn kỹ năng ngôn ngữ, viết thường được xem là hoạt động phức tạp và thách thức nhất đối với người học ngoại ngữ. Theo các nghiên cứu nền tảng của Ferris (2003, 2011), viết bằng ngôn ngữ thứ hai không đơn thuần là quá trình chuyển mã thông tin mà là một hoạt động nhận thức đòi hỏi người học phải xử lý đồng thời nhiều ràng buộc về ngôn ngữ, văn hóa và tư duy. Ferris nhấn mạnh rằng người viết không chỉ đối mặt với áp lực về độ chính xác của từ vựng, ngữ pháp mà còn phải vượt qua rào cản về tổ chức ý tưởng và phong cách diễn đạt vốn khác biệt so với tiếng mẹ đẻ. Điều này càng trở nên rõ nét hơn đối với tiếng Pháp – ngôn ngữ có hệ thống quy tắc hình thái và cú pháp chặt chẽ.

Tại Việt Nam, những khó khăn này đã được hệ thống hóa qua nhiều công trình nghiên cứu về giảng dạy tiếng Pháp. Nghiên cứu của Hồ (2012) tại Đại học Huế đã chỉ ra rằng sinh viên chuyên ngữ thường gặp trở ngại lớn trong việc làm chủ cấu trúc câu và sự đa dạng của từ vựng. Đồng quan điểm này, khảo sát gần đây của Lữ và cộng sự (2024) trên đối tượng sinh viên tại Đại học Cần Thơ cũng ghi nhận tình trạng người học có xu hướng đơn giản hóa cấu trúc để tránh lỗi sai, đồng thời gặp hạn chế trong việc liên kết văn bản mạch lạc. Như vậy, các hạn chế về vốn từ, độ chính xác ngữ pháp hay phong cách trình bày không chỉ là những quan sát riêng lẻ mà là những vấn đề mang tính phổ biến, đòi hỏi sự đánh giá sâu sát hơn thông qua các dữ liệu định lượng cụ thể.

Những khó khăn trên có thể bắt nguồn từ việc sinh viên ít có cơ hội luyện viết thường xuyên, thiếu phản hồi cá nhân hóa, hoặc gặp rào cản tâm lý như e ngại mắc lỗi. Trong bối cảnh đó, việc khảo sát thực trạng kỹ năng viết tiếng Pháp thông qua tự đánh giá của sinh viên là cần thiết để hiểu rõ hơn về năng lực hiện tại, từ đó đề xuất các hướng cải thiện phù hợp.

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định điểm mạnh và hạn chế trong kỹ năng viết tiếng Pháp của sinh viên không chuyên ngữ tại Đại học Cần Thơ, thông qua dữ liệu tự đánh giá. Trên cơ sở đó, nghiên cứu hướng đến việc đề xuất các giải pháp sư phạm nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy kỹ năng viết tiếng Pháp trong môi trường đại học.

Cụ thể, nghiên cứu tập trung tìm lời giải đáp cho câu hỏi: Sinh viên không chuyên ngữ tại Đại học Cần Thơ tự đánh giá như thế nào về kỹ năng viết tiếng Pháp của bản thân, xét trên các phương diện từ vựng, ngữ pháp, chính tả, cấu trúc văn bản và phong cách trình bày?

Cụ thể, nghiên cứu tập trung tìm lời giải đáp cho câu hỏi: Sinh viên không chuyên ngữ tại Đại học Cần Thơ tự đánh giá như thế nào về kỹ năng viết tiếng Pháp của bản thân, xét trên các phương diện từ vựng, ngữ pháp, chính tả, cấu trúc văn bản và phong cách trình bày?

Kết quả nghiên cứu cung cấp dữ liệu thực tiễn về thực trạng kỹ năng viết tiếng Pháp của sinh viên không chuyên tại Đại học Cần Thơ, đồng thời cũng có cơ sở lý luận về vai trò của tự đánh giá trong học tập ngoại ngữ theo quan điểm "đánh giá như là học tập" (assessment as learning) của Earl (2012) – khi người học tự giám sát và tự đánh giá năng lực cá nhân, đánh giá trở thành cơ chế nhận thức chủ động thay vì chỉ là công cụ đo lường, từ đó góp phần cải thiện chất lượng giảng dạy và học tập ngoại ngữ không chuyên.

2. Tổng quan nghiên cứu

Kỹ năng viết trong giảng dạy ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Pháp, là một năng lực phức tạp, vượt ra ngoài khuôn khổ việc mã hóa thông điệp bằng chữ viết đơn thuần. Theo định nghĩa kinh điển của Galisson và Coste (1976), kỹ năng viết (expression écrite hoặc production écrite) là "năng lực vận dụng mã chữ viết của một ngôn ngữ để tạo ra một thông điệp" (aptitude à se servir du code graphique d'une langue pour produire un message).

Tuy nhiên, các lý thuyết giảng dạy tiếng Pháp hiện đại đã mở rộng định nghĩa này theo

hướng tiếp cận nhận thức, nhấn mạnh vào quá trình xử lý thông tin. Thay vì chỉ tập trung vào sự sáng tạo tự do, Plane (2006) định nghĩa kỹ năng viết trong môi trường học thuật là khả năng "quản lý một hệ thống các giới hạn" (gestion d'un système de contraintes). Theo đó, người viết phải đồng thời xử lý các ràng buộc về ngôn ngữ (contraintes linguistiques), tâm lý-ngôn ngữ, yêu cầu của bài tập và văn cảnh giao tiếp.

Đồng quan điểm này, Vigner (2015) khẳng định việc học viết không chỉ dừng lại ở giao tiếp hàng ngày mà là công cụ để "biểu đạt thế giới" (représenter le monde) thông qua tư duy ngôn ngữ. Tóm lại, kỹ năng viết tiếng Pháp đối với sinh viên không chuyên ngữ được hiểu là khả năng sử dụng hệ thống ngôn ngữ để tạo ra văn bản có ý nghĩa (produire du sens) với mục tiêu rõ ràng, đòi hỏi sự kết hợp giữa độ chính xác ngữ pháp và tính mạch lạc trong tư duy. Để phát triển kỹ năng viết tiếng Pháp, năm khía cạnh căn bản sau đây cần được nắm vững, mỗi yếu tố đóng góp vào sự chính xác, mạch lạc và hiệu quả của văn bản.

Từ vựng: Theo Nation (2001), đây là yếu tố cốt lõi mang lại sự phong phú cho ngôn ngữ, cho phép người viết biểu đạt ý nghĩa một cách trọn vẹn và tinh tế. Một vốn từ vựng rộng và chính xác là điều kiện tiên quyết để diễn đạt các ý tưởng phức tạp phù hợp với ngữ cảnh, như Raimès (1983) cũng đã khẳng định trong các nghiên cứu về kỹ năng viết.

Ngữ pháp: Theo quan điểm của Raimès (1983), ngữ pháp đóng vai trò như khung sườn của ngôn ngữ, quy định các nguyên tắc sử dụng từ loại và cấu trúc câu nhằm đảm bảo tính chính xác. Đồng thuận với nhận định này, Hyland (2019) cũng khẳng định sự thành thạo ngữ pháp là nền tảng thiết yếu để truyền tải ý nghĩa rõ ràng và tránh gây hiểu lầm cho người đọc.

Chính tả: Theo Figueredo (2006), việc tuân thủ đúng chính tả là điều kiện tiên quyết để đảm bảo tính chính xác và rõ ràng của văn bản, giúp quá trình giải mã thông điệp diễn ra thuận lợi. Bên cạnh đó, Kreiner và cs (2002) cũng cảnh báo rằng các lỗi chính tả không chỉ gây trở ngại cho người đọc mà còn làm giảm tính chuyên nghiệp, dẫn đến suy giảm độ tin cậy tổng thể đối với bài viết.

Cấu trúc văn bản: Khía cạnh này nhấn mạnh việc tổ chức ý tưởng một cách logic và mạch lạc, giúp trình bày nội dung hiệu quả, từ đó đảm bảo văn bản dễ hiểu, dễ theo dõi và tăng tính thuyết phục đối với người đọc. Nghiên cứu của Alwaely & cs. (2020) chỉ ra rằng việc dạy cấu trúc văn bản cải thiện đáng kể kỹ năng viết thuyết phục ở học sinh, bằng cách nâng cao sự rõ ràng và logic, dẫn đến văn bản mạch lạc hơn. Tương tự, trong ngữ cảnh viết học thuật ngôn ngữ thứ hai, việc tinh chỉnh cấu trúc giúp học viên tránh lúng túng, tăng khả năng thuyết phục và dễ hiểu. Ngoài ra, tính mạch lạc (*cohérence*) và gắn kết (*cohésion*) trong cấu trúc là yếu tố then chốt để văn bản trở nên chuyên nghiệp và dễ giải mã (Ryan, 2023), đặc biệt khi sử dụng việc sử dụng các ngữ liệu (corpus) để hỗ trợ viết tiếng Pháp, giúp học viên xây dựng cấu trúc logic hơn (O'Sullivan, 2010).

Phong cách trình bày: Phong cách trình bày phản ánh khả năng linh hoạt trong việc sử dụng ngôn ngữ, đảm bảo phù hợp với từng thể loại văn bản cụ thể, chẳng hạn như văn bản học thuật (với ngôn ngữ trang trọng, khách quan), thư tín (thân thiện, lịch sự) hoặc bài luận (thuyết phục, có lập luận logic). Trong Khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (dựa trên Khung tham chiếu ngôn ngữ chung của châu Âu), phong cách trình bày được xem là yếu tố then chốt trong đánh giá kỹ năng viết, giúp người học thể hiện sự thích ứng với ngữ cảnh giao tiếp và tăng tính chuyên nghiệp của văn bản (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014; Council of Europe, 2001). Điều này không chỉ nhấn mạnh vào việc chọn từ ngữ, cấu trúc câu phù hợp mà còn khuyến khích người học tránh lỗi phong cách (như sử dụng ngôn ngữ thông tục trong bài viết học thuật), từ đó nâng cao khả năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa ngôn ngữ (Ferris, 2011). Ví dụ, ở bậc cao hơn (như B2 hoặc C1), người học cần chứng minh khả năng điều chỉnh phong cách để phù hợp với đối tượng và mục đích, góp phần làm văn bản

trở nên thuyết phục và dễ tiếp cận hơn (Nguyen, 2021).

Kỹ năng viết còn được đặc trưng bởi tính quy trình và nhận thức. Theo Hyland (2019), đây không chỉ là việc tạo ra văn bản đơn thuần mà là một chuỗi hoạt động tư duy phức tạp bao gồm các giai đoạn lập kế hoạch, hiện thực hóa ý tưởng và xem xét lại. Bên cạnh đó, viết đóng vai trò là phương tiện giao tiếp thiết yếu, cho phép người viết chia sẻ tri thức và quan sát cá nhân. So với kỹ năng nói, kỹ năng viết đòi hỏi sự cẩn trọng cao hơn về cấu trúc câu và sự chính xác của từ vựng, đồng thời cho phép người viết kiểm soát thông điệp chặt chẽ để nội dung trở nên tinh tế hơn (Raymond, 1994).

Trên thế giới, tự đánh giá (auto-évaluation) đã được khẳng định là một chiến lược then chốt trong giáo dục ngôn ngữ nhằm thúc đẩy tính tự chủ của người học. Theo nghiên cứu của Black và Wiliam (1998), tự đánh giá đóng vai trò trung tâm trong đánh giá quá trình, giúp sinh viên chuyển từ vị thế thụ động sang chủ động giám sát sự tiến bộ của bản thân. Đối với kỹ năng viết, Earl (2012) nhấn mạnh rằng khi người học tự xem xét bài làm của mình, họ đang thực hiện quá trình "đánh giá như là hoạt động học tập" (l'évaluation en tant qu'apprentissage), qua đó phát triển tư duy phản biện và nhận thức sâu sắc hơn về các lỗi sai thường gặp. Trong bối cảnh Việt Nam, nghiên cứu của Nguyen (2021) cũng chỉ ra rằng việc tham gia vào quá trình tự đánh giá giúp sinh viên giảm bớt tâm lý lo âu và hiểu rõ hơn các yêu cầu của văn phong học thuật.

Trên cơ sở lý luận đó, đề công cụ tự đánh giá phát huy hiệu quả, cần thiết lập một hệ thống tiêu chí cụ thể và chuẩn mực. Trong nghiên cứu này, việc lựa chọn 5 khía cạnh đánh giá kỹ năng viết - bao gồm từ vựng, ngữ pháp, chính tả, cấu trúc văn bản, và phong cách trình bày - được xây dựng dựa trên sự đối sánh giữa Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và Khung tham chiếu chung Châu Âu (CECRL). Cụ thể, Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (ban hành theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT) đánh giá kỹ năng viết thông qua các tiêu chí: mức độ hoàn thành nhiệm vụ, độ phong phú và chính xác của từ vựng, ngữ pháp, tính mạch lạc và liên kết, cùng chính tả. Các khía cạnh được khảo sát trong nghiên cứu này hoàn toàn tương thích và bao quát các yêu cầu cốt lõi của Khung năng lực nêu trên.

Với điều chỉnh nhỏ ở phong cách trình bày được tách riêng để nhấn mạnh khả năng điều chỉnh ngôn ngữ theo mục đích giao tiếp và thể loại văn bản — yếu tố quan trọng trong bối cảnh học thuật của sinh viên không chuyên ngữ tại Đại học Cần Thơ. Cách phân chia này giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về khả năng tổ chức ý tưởng logic (cấu trúc văn bản) và linh hoạt ngôn ngữ theo ngữ cảnh (phong cách), phù hợp với yêu cầu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình tiếng Pháp không chuyên.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp định lượng nhằm khảo sát nhận thức và mức độ tự tin của sinh viên không chuyên ngữ tại Đại học Cần Thơ đối với kỹ năng viết tiếng Pháp của bản thân. Dữ liệu được thu thập thông qua công cụ tự đánh giá với mục đích cung cấp cái nhìn tổng quan về năng lực viết của sinh viên dưới góc độ người học.

Tổng cộng đã có 296 phiếu khảo sát được phát ra, thu về 273 phiếu hợp lệ, đạt tỷ lệ hồi đáp 92%. Mẫu nghiên cứu này tương ứng với khoảng 27,3% trên tổng quy mô 1.000 sinh viên không chuyên ngữ đăng ký hàng năm. Để đảm bảo độ tin cậy của dữ liệu, các phiếu trả lời không đầy đủ hoặc có dấu hiệu đánh dấu theo quy luật (ví dụ: chọn toàn bộ phương án giống nhau) đều đã bị loại bỏ trước khi đưa vào phân tích.

Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đơn giản được áp dụng nhằm đảm bảo tính đại diện về ngành học, trình độ và nền tảng học tập, đồng thời giảm thiểu sai lệch hệ thống để tăng khả năng tổng quát hóa kết quả. Về cơ cấu của mẫu khảo sát (n=273), kết quả thống kê cho thấy sự

phân bổ tập trung vào nhóm ngành Ngôn ngữ Anh và trình độ sơ cấp. Cụ thể, sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh chiếm tỷ lệ cao nhất (69,6%), tiếp đến là Sư phạm tiếng Anh (16,5%), Ngôn ngữ Anh Chất lượng cao (10,3%) và thấp nhất là Biên phiên dịch (3,7%). Tương tự, xét về năng lực tiếng Pháp, phần lớn sinh viên trong mẫu khảo sát đang ở trình độ A1 (72,9%), trong khi trình độ A2 chiếm 21,2% và B1 chiếm 5,9%.

Công cụ thu thập dữ liệu là bảng hỏi cấu trúc, sử dụng thang đo Likert năm mức độ (1. Hoàn toàn không đồng ý; 2. Không đồng ý; 3. Bình thường/Trung lập; 4. Đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý). Bảng hỏi được thiết kế nhằm thu thập cách sinh viên tự đánh giá kỹ năng viết tiếng Pháp của bản thân dưới năm khía cạnh: (1) Từ vựng - đa dạng, chính xác, phù hợp ngữ cảnh (7 câu hỏi), (2) Ngữ pháp - cấu trúc, thì và thức, chính xác, đa dạng, phù hợp ngữ cảnh và tự chủ động trong chỉnh sửa (4 câu hỏi), (3) Chính tả - dấu câu, viết hoa, độ chính xác (4 câu hỏi), (4) Cấu trúc văn bản - tính mạch lạc, liên kết, tổ chức ý tưởng (5 câu hỏi), và (5) Phong cách trình bày - giọng điệu, sự nhất quán, phù hợp đối tượng (7 câu hỏi). Tổng cộng đã có 31 câu hỏi được xây dựng để đo lường chi tiết và đa chiều năng lực tự đánh giá kỹ năng viết của sinh viên.

Bảng hỏi được phát triển theo ba bước: (1) Thiết kế sơ bộ dựa trên cơ sở lý thuyết về đánh giá kỹ năng viết tiếng Pháp và Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, (2) Phỏng vấn chuyên gia và điều chỉnh - trong đó 56,6% câu hỏi được chỉnh sửa, 18,4% được thêm mới, 11,1% bị loại bỏ, và 9,7% giữ nguyên sau khi tổng hợp góp ý từ các chuyên gia về giảng dạy tiếng Pháp và đánh giá trong giáo dục, và (3) Thử nghiệm trên 154 sinh viên không chuyên ngữ đang học các học phần Pháp văn căn bản để kiểm tra độ tin cậy bằng hệ số Cronbach's Alpha. Kết quả thử nghiệm cho thấy độ tin cậy rất cao cho cả năm khía cạnh: Từ vựng ($\alpha = 0.910$), Ngữ pháp ($\alpha = 0.894$), Chính tả ($\alpha = 0.854$), Cấu trúc văn bản ($\alpha = 0.895$), và Phong cách trình bày ($\alpha = 0.937$).

Bảng hỏi được triển khai dưới hai hình thức: trực tuyến qua Google Classroom và bản in, với thời gian hoàn thành trung bình 10-15 phút. Trước khi sinh viên trả lời, hướng dẫn chi tiết được cung cấp về ý nghĩa của từng mức độ trên thang đo Likert và cách trả lời các câu hỏi.

Dữ liệu sau khi thu thập được xử lý và phân tích bằng các phương pháp thống kê mô tả, trong đó có các chỉ số xu hướng trung tâm như điểm trung bình (ĐTB), cũng như các chỉ số phân tán như độ lệch chuẩn (SD), được tính toán cho từng khía cạnh kỹ năng viết. Quá trình phân tích thống kê được thực hiện bằng phần mềm SPSS.

4. Kết quả và thảo luận

Kết quả theo từng khía cạnh của kỹ năng viết

4.1. Năng lực sử dụng từ vựng

Bảng 1. Kết quả tự đánh giá năng lực sử dụng từ vựng trong viết tiếng Pháp

Mã hoá	Chỉ báo	ĐTB	SD
TV1	Tôi sử dụng được nhiều loại từ vựng khác nhau để nâng cao chất lượng bài viết của mình	3,39	0,755
TV2	Tôi sử dụng từ vựng phù hợp với ngữ cảnh của bài viết.	3,47	0,804
TV3	Tôi sử dụng chính xác từ vựng chuyên ngành trong bài viết.	3,33	0,822
TV4	Tôi chủ động học áp dụng từ vựng mới vào bài viết của mình.	3,52	0,827
TV5	Tôi biết cách sử dụng các từ đồng nghĩa/trái nghĩa để tránh lặp từ.	3,30	0,765

Mã hoá	Chỉ báo	ĐTB	SD
TV6	Tôi nhận biết được nghĩa chính xác của từ dựa trên bối cảnh giao tiếp hoặc tình huống cụ thể.	3,38	0,787
TV7	Tôi chọn từ ngữ phù hợp với từng thể loại bài viết.	3,45	0,813

Phân tích kết quả tự đánh giá của sinh viên về năng lực sử dụng từ vựng trong viết tiếng Pháp, như trình bày trong Bảng 1, cho thấy một bức tranh tương đối đồng đều nhưng cũng hé lộ những điểm mạnh và yếu tương đối trong nhận thức của sinh viên. Nhìn chung, ĐTB của các chỉ báo dao động trong khoảng từ 3,30 đến 3,52, cho thấy mức độ tự đánh giá của sinh viên về năng lực từ vựng tổng thể nghiêng về phía "Bình thường (Trung lập)" đến "Đồng ý", phản ánh một sự tự tin vừa phải chứ chưa thực sự cao.

ĐTB cao nhất thuộc về chỉ báo TV4 "Tôi chủ động học áp dụng từ vựng mới vào bài viết của mình" (ĐTB = 3,52, SD = 0,827). Điều này cho thấy sinh viên có ý thức và chủ động tương đối cao trong việc tiếp thu và cố gắng vận dụng từ vựng mới, một yếu tố nền tảng quan trọng cho việc phát triển năng lực ngôn ngữ. Tiếp theo là chỉ báo TV2 "Tôi sử dụng từ vựng phù hợp với ngữ cảnh của bài viết" (ĐTB = 3,47, SD = 0,804) và TV7 "Tôi chọn từ ngữ phù hợp với từng thể loại bài viết" (ĐTB = 3,45, SD = 0,813), cho thấy sinh viên cũng tương đối tự tin vào khả năng lựa chọn và sử dụng từ ngữ đúng với bối cảnh giao tiếp và yêu cầu của văn bản.

Mặc dù vậy, sinh viên tỏ ra ít tự tin hơn ở một số khía cạnh đòi hỏi sự tinh tế và chính xác cao hơn trong sử dụng từ vựng. Cụ thể, chỉ báo TV5 "Tôi biết cách sử dụng các từ đồng nghĩa/trái nghĩa để tránh lặp từ" có ĐTB thấp nhất (ĐTB = 3,30, SD = 0,765), cho thấy việc làm giàu vốn từ và sử dụng các phương tiện thay thế để tăng tính hấp dẫn và tránh đơn điệu trong diễn đạt vẫn là một thử thách. Tương tự, chỉ báo TV3 "Tôi sử dụng chính xác từ vựng chuyên ngành trong bài viết" cũng có ĐTB khá thấp (ĐTB = 3,33, SD = 0,822), phản ánh khó khăn trong việc nắm bắt và vận dụng đúng thuật ngữ chuyên môn – một yêu cầu thường gặp trong môi trường học thuật đại học. Các chỉ báo còn lại như TV1 ("Tôi sử dụng được nhiều loại từ vựng khác nhau...", ĐTB = 3,39, SD = 0,755) và TV6 ("Tôi nhận biết được nghĩa chính xác của từ dựa trên bối cảnh...", ĐTB = 3,38, SD = 0,787) cũng nằm ở mức trung bình khá, củng cố nhận định chung về mức độ tự tin vừa phải của sinh viên.

SD của các chỉ báo dao động từ 0,755 đến 0,827, cho thấy mức độ phân tán ý kiến của sinh viên là tương đối, không có sự đồng thuận quá cao hay bất đồng quá lớn về các khía cạnh năng lực từ vựng này. Nhìn chung, kết quả phân tích cho thấy, trong khi sinh viên nhận thức được tầm quan trọng và có nỗ lực chủ động học từ mới, việc vận dụng từ vựng một cách đa dạng, chính xác (đặc biệt là từ chuyên ngành) và linh hoạt (sử dụng từ đồng nghĩa/trái nghĩa) vẫn là những lĩnh vực cần được chú trọng bồi dưỡng thêm trong quá trình đào tạo kỹ năng tiếng Pháp ở bậc đại học.

4.2. Năng lực sử dụng ngữ pháp

Bảng 2. Kết quả tự đánh giá năng lực sử dụng ngữ pháp trong viết tiếng Pháp

Mã hoá	Chỉ báo	ĐTB	SD
NP1	Các cấu trúc ngữ pháp trong bài viết của tôi thường được sử dụng chính xác	3,19	0,843
NP2	Tôi biết cách sử dụng nhiều cấu trúc ngữ pháp khác nhau phù hợp với ngữ cảnh.	3,12	0,899

Mã hoá	Chỉ báo	ĐTB	SD
NP3	Tôi sử dụng chính xác các thì/thể trong tiếng Pháp phù hợp với ngữ cảnh.	3,22	0,876
NP4	Tôi chủ động chỉnh sửa các lỗi ngữ pháp trong bài viết trước khi nộp.	3,33	0,896

Chuyển sang phân tích kết quả tự đánh giá về năng lực sử dụng ngữ pháp, dữ liệu từ Bảng 2 cho thấy một mức độ tự tin còn hạn chế hơn so với năng lực từ vựng. Điểm trung bình của các chỉ báo ngữ pháp dao động từ 3,12 đến 3,33, chủ yếu tập trung quanh mức "Bình thường (Trung lập)". Điều này hàm ý rằng ngữ pháp vẫn là một lĩnh vực mà sinh viên cảm thấy tương đối thử thách và chưa hoàn toàn làm chủ trong kỹ năng viết tiếng Pháp.

Cụ thể, sinh viên thể hiện sự thiếu tự tin nhất ở chỉ báo NP2 "Tôi biết cách sử dụng nhiều cấu trúc ngữ pháp khác nhau phù hợp với ngữ cảnh" (ĐTB = 3,12, SD = 0,899). Điểm trung bình thấp nhất này cho thấy việc đa dạng hóa cấu trúc câu và lựa chọn cấu trúc phù hợp với tình huống giao tiếp cụ thể là khó khăn lớn nhất mà sinh viên tự nhận thấy. Thực tế này khá phổ biến trong quá trình học ngoại ngữ, nơi người học có xu hướng dựa vào các cấu trúc quen thuộc và an toàn, ngại thử nghiệm các cấu trúc phức tạp hoặc đa dạng hơn. Ngược lại, chỉ báo NP4 "Tôi chủ động chỉnh sửa các lỗi ngữ pháp trong bài viết trước khi nộp" có ĐTB cao nhất trong nhóm (ĐTB = 3,33, SD = 0,896). Mặc dù điểm số này vẫn chỉ ở mức trên trung lập một chút, nó cho thấy sinh viên có ý thức về tầm quan trọng của việc rà soát và sửa lỗi ngữ pháp, thể hiện một thái độ học tập tích cực và tinh thần trách nhiệm đối với sản phẩm viết của mình.

Đối với các khía cạnh về độ chính xác, chỉ báo NP1 "Các cấu trúc ngữ pháp trong bài viết của tôi thường được sử dụng chính xác" (ĐTB = 3,19, SD = 0,843) và NP3 "Tôi sử dụng chính xác các thì/thể trong tiếng Pháp phù hợp với ngữ cảnh" (ĐTB = 3,22, SD = 0,876) đều có ĐTB xấp xỉ mức trung lập. Kết quả này củng cố nhận định rằng việc đạt được sự chính xác trong sử dụng cấu trúc và các yếu tố ngữ pháp phức tạp như thì/thể vẫn là một thách thức đối với phần lớn sinh viên. SD dao động từ 0,843 đến 0,896, cao hơn một chút so với nhóm từ vựng, cho thấy có sự khác biệt tương đối lớn hơn trong nhận thức của sinh viên về các khía cạnh ngữ pháp khác nhau.

Tóm lại, kết quả tự đánh giá về năng lực ngữ pháp cho thấy sinh viên có ý thức tự giác sửa lỗi nhưng còn thiếu tự tin đáng kể trong việc sử dụng chính xác và đa dạng các cấu trúc ngữ pháp. Điều này gợi ý sự cần thiết phải tăng cường các hoạt động thực hành ngữ pháp trong ngữ cảnh viết cụ thể, khuyến khích sinh viên mạnh dạn thử nghiệm các cấu trúc mới và cung cấp phản hồi chi tiết, tập trung vào cả độ chính xác lẫn sự đa dạng trong diễn đạt ngữ pháp.

4.3. Năng lực sử dụng chính tả

Kết quả tự đánh giá về năng lực chính tả, được trình bày trong Bảng 3, cho thấy một bức tranh khá tích cực về ý thức và hành động của sinh viên trong việc đảm bảo tính chính xác về mặt hình thức chữ viết, mặc dù sự tự tin về kết quả thực tế có phần thấp hơn. Điểm trung bình (ĐTB) của các chỉ báo dao động từ 3,25 đến 3,55, phần lớn nghiêng về phía "Đồng ý".

Bảng 3. Kết quả tự đánh giá năng lực sử dụng chính tả trong viết tiếng Pháp

Mã hoá	Chỉ báo	ĐTB	SD
CT1	Tôi luôn kiểm tra kỹ lưỡng bài viết của mình để đảm bảo không có lỗi chính tả.	3,55	0,803

Mã hoá	Chỉ báo	ĐTB	SD
CT2	Bài viết của tôi có ít lỗi chính tả, ngay cả khi sử dụng từ vựng phức tạp.	3,25	0,810
CT3	Tôi thường xuyên phát hiện và sửa lỗi chính tả trong bài viết của mình.	3,36	0,824
CT4	Tôi sử dụng hiệu quả các công cụ hỗ trợ để kiểm tra từ vựng để cải thiện chính tả trong quá trình viết.	3,53	0,883

Đáng chú ý, hai chỉ báo liên quan đến các hành động chủ động nhằm đảm bảo chính tả có ĐTB cao nhất. Cụ thể, CT1 "Tôi luôn kiểm tra kỹ lưỡng bài viết của mình để đảm bảo không có lỗi chính tả" đạt ĐTB cao nhất (3,55, SD = 0,803) và CT4 "Tôi sử dụng hiệu quả các công cụ hỗ trợ để kiểm tra từ vựng để cải thiện chính tả trong quá trình viết" cũng đạt mức cao (ĐTB = 3,53, SD = 0,883). Kết quả này cho thấy sinh viên có ý thức rất rõ về tầm quan trọng của việc kiểm tra chính tả và chủ động tận dụng các công cụ hỗ trợ (như từ điển, phần mềm kiểm tra lỗi) trong quá trình viết. Đây là những thực hành tốt, phản ánh sự nghiêm túc và nỗ lực của người học trong việc tạo ra sản phẩm bài viết chín chu.

Tuy nhiên, khi đánh giá về kết quả thực tế của nỗ lực đó, mức độ tự tin của sinh viên có phần giảm sút. Chỉ báo CT2 "Bài viết của tôi có ít lỗi chính tả, ngay cả khi sử dụng từ vựng phức tạp" có ĐTB thấp nhất trong nhóm (ĐTB = 3,25, SD = 0,810). Mặc dù vẫn trên mức trung lập, điểm số này cho thấy sinh viên chưa thực sự tự tin vào khả năng viết đúng chính tả một cách tuyệt đối, đặc biệt là khi đối mặt với những từ ngữ khó hoặc phức tạp - một thực tế thường gặp trong tiếng Pháp với hệ thống chính tả nhiều quy tắc và ngoại lệ. Chỉ báo CT3 "Tôi thường xuyên phát hiện và sửa lỗi chính tả trong bài viết của mình." (ĐTB = 3,36, SD = 0,824) cũng ở mức trung bình khá, cho thấy khả năng tự nhận diện và sửa lỗi chính tả của sinh viên vẫn còn có thể cải thiện.

SD dao động từ 0,803 đến 0,883, tương tự như các nhóm kỹ năng khác, thể hiện sự phân tán ý kiến ở mức độ vừa phải. Nhìn chung, kết quả phân tích về năng lực chính tả cho thấy sinh viên rất có ý thức và chủ động trong việc kiểm tra, sử dụng công cụ hỗ trợ để hạn chế lỗi, nhưng vẫn còn dè dặt khi tự đánh giá về mức độ chính xác thực tế trong bài viết của mình. Do vậy, ngoài việc rèn luyện quy tắc chính tả, cần phát triển kỹ năng tự kiểm tra, tự sửa lỗi hiệu quả cho sinh viên.

4.4. Năng lực xây dựng cấu trúc văn bản

Phân tích các chỉ báo tự đánh giá về năng lực xây dựng cấu trúc văn bản, như trình bày trong Bảng 4, cho thấy đây là một lĩnh vực mà sinh viên tự nhận thấy còn nhiều hạn chế và thiếu tự tin nhất so với các kỹ năng thành phần khác đã khảo sát. Tất cả các ĐTB (ĐTB) đều dao động quanh mức "Bình thường (Trung lập)" (từ 3,05 đến 3,26), không có chỉ báo nào đạt đến mức "Đồng ý" rõ rệt. Điều này phản ánh thực trạng phổ biến trong dạy và học ngoại ngữ: người học thường ít làm chủ cấu trúc câu và tổ chức văn bản ở cấp độ đoạn văn.

Cụ thể, sinh viên tỏ ra thiếu tự tin nhất ở chỉ báo CTVB2 "Tôi sử dụng thành thạo cấu trúc câu phức trong bài viết tiếng Pháp" (ĐTB = 3,05, SD = 0,828). Đây là ĐTB thấp nhất không chỉ trong nhóm này mà còn có thể là thấp nhất trong toàn bộ các kỹ năng được khảo sát, cho thấy việc vận dụng các cấu trúc ngữ pháp phức tạp để diễn đạt ý tưởng một cách tinh tế và đa dạng là rào cản lớn nhất. Tiếp theo là chỉ báo CTVB3 "Tôi sử dụng hiệu quả các từ nối, cụm từ chuyển tiếp để tạo sự liên kết mạch lạc giữa các câu trong bài viết" (ĐTB = 3,10, SD = 0,812) và CTVB5 "Tôi tổ chức đoạn văn hiệu quả để làm nổi bật ý tưởng chính và hỗ trợ các ý phụ" (ĐTB = 3,14, SD = 0,826). Những điểm số này cho thấy việc tạo ra sự mạch

lạc (*cohésion*) và liên kết chặt chẽ (*cohérence*) ở cả cấp độ câu và đoạn văn cũng là những điểm yếu mà sinh viên tự nhận thức được.

Đáng chú ý, các kỹ năng nền tảng như viết câu rõ ràng và sắp xếp ý tưởng logic cũng chỉ dừng lại ở mức trung bình. Cụ thể, chỉ báo CTVB1 "Tôi viết câu có cấu trúc rõ ràng trong bài viết" tuy có ĐTB cao nhất nhóm nhưng cũng chỉ đạt 3,26 (SD = 0,847); kế đến là CTVB4 "Tôi xây dựng các đoạn văn hoàn chỉnh và dễ hiểu thông qua việc sắp xếp câu văn một cách logic" đạt 3,20 (SD = 0,821). Mặc dù các kết quả này nhìn hơn so với kỹ năng sử dụng câu phức hay từ nối, mức điểm trên cho thấy sinh viên vẫn chưa thực sự làm chủ và tự tin vào khả năng diễn đạt mạch lạc của mình.

Bảng 4. Kết quả tự đánh giá năng lực tổ chức cấu trúc văn bản trong viết tiếng Pháp

Mã hoá	Chỉ báo	ĐTB	SD
CTVB1	Tôi viết câu có cấu trúc rõ ràng trong bài viết.	3,26	0,847
CTVB2	Tôi sử dụng thành thạo cấu trúc câu phức trong bài viết tiếng Pháp.	3,05	0,828
CTVB3	Tôi sử dụng hiệu quả các từ nối, cụm từ chuyển tiếp để tạo sự liên kết mạch lạc giữa các câu trong bài viết.	3,10	0,812
CTVB4	Tôi xây dựng các đoạn văn hoàn chỉnh và dễ hiểu thông qua việc sắp xếp câu văn một cách logic.	3,20	0,821
CTVB5	Tôi tổ chức đoạn văn hiệu quả để làm nổi bật ý tưởng chính và hỗ trợ các ý phụ.	3,14	0,826

SD của các chỉ báo trong nhóm này khá đồng đều (từ 0,812 đến 0,847), thể hiện mức độ phân tán ý kiến tương đối ổn định giữa các sinh viên. Tóm lại, kết quả phân tích về năng lực xây dựng cấu trúc câu và đoạn văn cho thấy đây là lĩnh vực mà sinh viên cảm thấy yếu nhất trong kỹ năng viết tiếng Pháp. Từ việc sử dụng câu phức, từ nối, đến tổ chức đoạn văn hiệu quả và đảm bảo tính logic, rõ ràng đều là những khía cạnh cần được quan tâm đặc biệt trong giảng dạy. Do đó, người dạy cần bổ sung thêm bài tập thực hành chuyên sâu và tăng cường phản hồi về cấu trúc diễn đạt.

4.5. Kết quả tự đánh giá về năng lực sử dụng phong cách trình bày trong viết tiếng Pháp

Bảng 5. Kết quả tự đánh giá năng lực sử dụng phong cách trong viết tiếng Pháp

Mã hoá	Chỉ báo	ĐTB	SD
PC1	Tôi điều chỉnh cách viết để phù hợp với mục đích giao tiếp của từng thể loại văn bản.	3,23	0,841
PC2	Tôi giữ cách viết đồng đều trong toàn bộ bài viết.	3,21	0,873
PC3	Tôi lựa chọn từ ngữ phù hợp với đối tượng người đọc (ví dụ: giảng viên, bạn học, người trong gia đình, người không quen biết).	3,33	0,866
PC4	Tôi sử dụng câu từ sinh động để tạo điểm nhấn để thu hút sự chú ý của người đọc.	3,14	0,849
PC5	Tôi biết cách áp dụng quy tắc viết cho các dạng văn bản cụ thể (ví dụ: cách viết thư mời, đoạn miêu tả).	3,20	0,830

Mã hoá	Chỉ báo	ĐTB	SD
PC6	Tôi điều chỉnh giọng điệu (trang trọng, thân mật, trung lập) dựa trên bối cảnh giao tiếp.	3,27	0,887
PC7	Tôi tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật (định dạng, cấu trúc) của từng loại văn bản.	3,26	0,891

Kết quả thống kê tại Bảng 5 cho thấy một xu hướng tương đồng với năng lực xây dựng cấu trúc văn bản: ĐTB của tất cả bảy chỉ báo trong nhóm này đều dao động trong khoảng hẹp quanh mức "Bình thường/Trung lập" (từ 3,14 đến 3,33). Số liệu này phản ánh thực tế là sinh viên chưa thực sự làm chủ được kỹ năng điều chỉnh và kiểm soát văn phong trong các tình huống viết khác nhau.

Điểm đáng chú ý là sinh viên tỏ ra tự tin hơn một chút ở chỉ báo PC3 "Tôi lựa chọn từ ngữ phù hợp với đối tượng người đọc..." (ĐTB = 3,33; SD = 0,866). Kết quả khả quan này có thể là hiệu quả từ các phương pháp giảng dạy theo đường hướng giao tiếp hiện nay, vốn chú trọng giúp người học nâng cao nhận thức về đối tượng độc giả trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng ngay cả điểm số cao nhất này cũng chỉ nhỉnh hơn mức trung lập không đáng kể.

Ở chiều ngược lại, chỉ báo PC4 "Tôi sử dụng câu từ sinh động để tạo điểm nhấn nhằm thu hút sự chú ý của người đọc" có ĐTB thấp nhất (ĐTB = 3,14; SD = 0,849). Điều này cho thấy việc sử dụng ngôn ngữ một cách sáng tạo, giàu hình ảnh và hấp dẫn vẫn là một thách thức lớn, đòi hỏi trình độ ngôn ngữ và kỹ năng diễn đạt cao hơn mức độ hiện tại của đa số sinh viên.

Các chỉ báo còn lại liên quan đến việc điều chỉnh văn phong (theo mục đích, thể loại, giọng điệu) hay tuân thủ các quy tắc kỹ thuật đều có điểm số rất sát nhau và chỉ ở mức trung bình (từ 3,20 đến 3,27). Cụ thể, các chỉ báo như PC1 (điều chỉnh theo mục đích/thể loại, ĐTB=3,23), PC5 (áp dụng quy tắc dạng văn bản, ĐTB=3,20), PC6 (điều chỉnh giọng điệu, ĐTB=3,27) và PC7 (tuân thủ yêu cầu kỹ thuật, ĐTB=3,26) đều phản ánh sự lúng túng và thiếu chắc chắn của sinh viên trong việc kiểm soát các yếu tố hình thức. Tương tự, khả năng duy trì sự nhất quán trong cách viết (PC2, ĐTB=3,21) cũng chỉ được đánh giá ở mức độ này. SD dao động từ 0,830 đến 0,891 cho thấy sự phân tán ý kiến ở mức vừa phải, tương đồng với các nhóm kỹ năng khác.

Tóm lại, kết quả phân tích năng lực sử dụng phong cách trình bày cho thấy: dù sinh viên đã có nhận thức nhất định về đối tượng độc giả, nhưng việc làm chủ các yếu tố phức tạp hơn như tạo sự sinh động, giọng điệu hay quy tắc thể loại vẫn là những điểm yếu cần cải thiện. Thực trạng này tiếp tục củng cố nhận định về sự thiếu tự tin của sinh viên đối với các khía cạnh tinh tế và chuyên sâu của kỹ năng viết. Do đó, hoạt động giảng dạy cần chú trọng hơn nữa vào việc phân tích và thực hành đa dạng các phong cách viết trong những ngữ cảnh giao tiếp cụ thể để khắc phục hạn chế này.

4.5. Tổng hợp kết quả

Bảng 6. Tổng hợp kết quả tự đánh giá năng lực viết tiếng Pháp theo từng nhóm kỹ năng

Các tiêu chí	Cronbach's Alpha	ĐTB	SD
Từ vựng trong viết tiếng Pháp (TV)	0,910	3,40	0,796
Ngữ pháp trong viết tiếng Pháp (NP)	0,894	3,22	0,879

Các tiêu chí	Cronbach's Alpha	ĐTB	SD
Chính tả trong viết tiếng Pháp (CT)	0,854	3,42	0,830
Cấu trúc văn bản trong viết tiếng Pháp (CTC)	0,895	3,15	0,827
Phong cách trình bày (PC)	0,937	3,23	0,862

Bảng 6 tổng hợp kết quả tự đánh giá của sinh viên về năng lực viết tiếng Pháp qua năm tiêu chí chính: Từ vựng, Ngữ pháp, Chính tả, Cấu trúc văn bản và Phong cách trình bày. Trước hết, cần khẳng định độ tin cậy của các thang đo được sử dụng với hệ số Cronbach's Alpha cho cả năm tiêu chí đều rất cao (TV: 0,910; NP: 0,894; CT: 0,854; CTC: 0,895; PC: 0,937), vượt xa ngưỡng chấp nhận trong nghiên cứu khoa học xã hội (thường là 0,7 hoặc 0,8). Điều này chứng tỏ các bộ câu hỏi dùng để đo lường từng năng lực thành phần có độ nhất quán nội tại tốt, đảm bảo tính tin cậy cho các kết quả phân tích.

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên tự đánh giá cao nhất ở hai khía cạnh: Chính tả (ĐTB = 3,42) và Từ vựng (ĐTB = 3,40). Số liệu này phản ánh sự tự tin của sinh viên trong việc nhận diện, lựa chọn từ ngữ cũng như kiểm soát lỗi chính tả quá trình viết. Sự tự tin này có thể là kết quả của việc các chương trình dạy tiếng Pháp cơ bản thường ưu tiên rèn luyện hai kỹ năng nền tảng này, kết hợp với sự hỗ trợ đặc lực từ các công cụ kiểm tra lỗi hiện đại. Tuy nhiên, ở các kỹ năng bậc cao hơn như tổ chức cấu trúc văn bản, sử dụng ngữ pháp phức tạp hay phát triển phong cách diễn đạt, sinh viên chưa đạt được mức độ tự tin tương tự.

Sự chênh lệch giữa các ĐTB tuy không quá lớn nhưng đủ để chỉ ra rằng năng lực viết không được sinh viên cảm nhận đồng đều ở mọi khía cạnh. Việc làm chủ các quy tắc ngữ pháp, cấu trúc câu phức và phong cách diễn đạt đòi hỏi mức độ tư duy tổng hợp và kỹ năng vận dụng cao hơn, khiến sinh viên cảm thấy e dè hơn so với việc ghi nhớ từ vựng hay quy tắc chính tả. SD của các tiêu chí dao động trong khoảng hẹp (từ 0,796 đến 0,879), cho thấy mức độ phân tán trong tự đánh giá là khá tương đồng, phản ánh sự đồng thuận cao trong nhận thức của nhóm sinh viên được khảo sát đối với từng năng lực thành phần.

Tóm lại, kết quả đánh giá tổng quát cho thấy sinh viên Đại học Cần Thơ nhận thức năng lực viết tiếng Pháp của bản thân ở mức trung bình khá. Trong khi sự tự tin chủ yếu tập trung vào khía cạnh chính tả và từ vựng, sinh viên vẫn còn nhiều hạn chế đáng kể về ngữ pháp, cấu trúc văn bản và phong cách trình bày. Thực trạng này nhấn mạnh sự cần thiết của các can thiệp sư phạm tập trung vào việc phát triển các kỹ năng viết bậc cao, giúp sinh viên vượt qua những rào cản trong việc vận dụng ngôn ngữ một cách chính xác, mạch lạc và phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp học thuật.

5. Thảo luận và khuyến nghị

5.1. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy bức tranh không đồng đều trong năng lực viết của sinh viên không chuyên ngữ: sự tự tin cao ở các kỹ năng nền tảng (chính tả, từ vựng) nhưng sụt giảm rõ rệt ở các kỹ năng bậc cao (ngữ pháp phức tạp, cấu trúc văn bản).

Sự chênh lệch này có thể được lý giải bởi tác động của chương trình giảng dạy và thói quen học tập. Thứ nhất, chương trình tiếng Pháp cơ bản hiện nay thường ưu tiên phát âm, chính tả và phát triển vốn từ, với tỷ trọng lớn các bài tập dạng điền từ hay viết câu đơn. Do đó, sinh viên tích lũy tốt và cảm thấy an toàn ở các kỹ năng này. Thứ hai, sự phổ biến của các công cụ hỗ trợ trực tuyến chuyên dụng cho tiếng Pháp (như Google Dịch, Reverso, BonPatron, Antidote hay Le Conjugueur) đã giúp sinh viên hình thành thói quen tự sửa lỗi chính tả và chia động từ, từ đó giảm bớt rào cản tâm lý ban đầu.

Ngược lại, sự thiếu tự tin trong việc sử dụng cấu trúc câu phức và tổ chức đoạn văn là hệ quả của việc thiếu môi trường thực hành chuyên sâu. Với sĩ số lớp đông (30-50 sinh viên), giảng viên gặp khó khăn trong việc cung cấp phản hồi chi tiết về phong cách hay logic bài viết cho từng cá nhân. Chính bản thân người học cũng có xu hướng "đơn giản hóa" cấu trúc câu để tránh mắc lỗi ngữ pháp – một chiến lược an toàn thường thấy ở người học ngoại ngữ trình độ sơ-trung cấp.

Kết quả này có sự tương đồng nhất định với các nghiên cứu trước đó. Ví dụ, nghiên cứu của Lữ & cs. (2024) cũng ghi nhận tình trạng người học chuyển từ tiếng Anh sang tiếng Pháp thường gặp rào cản ngữ pháp và có xu hướng đơn giản hóa cấu trúc. Tương tự, so sánh với các nghiên cứu về sinh viên Việt Nam học ngoại ngữ nói chung, trong khi từ vựng và chính tả có thể được cải thiện nhanh chóng nhờ công cụ hỗ trợ, thì tư duy sắp xếp ý tưởng và phong cách học thuật vẫn là những "điểm nghẽn" cần nhiều thời gian khắc phục.

5.2. Kiến nghị sư phạm

Dựa trên thực trạng nêu trên, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy kỹ năng viết cho sinh viên không chuyên ngữ:

Tích hợp đánh giá quá trình vào mô hình học tập kết hợp: Giảng viên nên tận dụng nền tảng trực tuyến (như Google Classroom, Moodle) để giao các bài viết ngắn định kỳ. Các bài tập này cần đi kèm với bảng tiêu chí đánh giá (grille d'évaluation) rõ ràng, giúp sinh viên hiểu rõ kỳ vọng không chỉ về chính tả mà còn về bố cục và sự liên kết ý.

Thiết kế bài tập phù hợp với trình độ: Thay vì yêu cầu viết các bài luận dài quá sức, nên triển khai các dạng bài viết đoạn văn ngắn có định hướng, bài thực hành kể chuyện hoặc viết thư tín. Trong đó, cần chú trọng hướng dẫn sinh viên cách sử dụng từ nối (connecteurs logiques) để liên kết câu, giúp văn bản mạch lạc hơn (cohérence et cohésion).

Tăng cường hoạt động đánh giá đồng đẳng (évaluation par les pairs): Tổ chức các phiên làm việc nhóm để sinh viên đọc và nhận xét bài chéo cho nhau dựa trên bảng kiểm do giảng viên cung cấp. Hoạt động này giúp người học nhận ra các lỗi phổ biến và học hỏi cách diễn đạt của bạn bè.

Khuyến khích tự chủ trong học tập: Hướng dẫn sinh viên khai thác hiệu quả các phần mềm sửa lỗi tiếng Pháp (như BonPatron hoặc LanguageTool) không chỉ để sửa lỗi mà còn để đọc giải thích ngữ pháp. Đồng thời, khuyến khích sinh viên lập hồ sơ học tập (dossier d'apprentissage) để tự theo dõi sự tiến bộ của bài viết qua từng giai đoạn.

6. Kết luận

Nghiên cứu đã phác thảo được bức tranh tổng quan về kỹ năng viết tiếng Pháp của sinh viên không chuyên ngữ tại Đại học Cần Thơ thông qua lăng kính tự đánh giá. Kết quả cho thấy sinh viên có nhận thức tích cực và tự tin đối với các kỹ năng cơ bản như chính tả và từ vựng, nhưng vẫn còn nhiều e ngại và hạn chế trong việc vận dụng ngữ pháp phức tạp, tổ chức cấu trúc văn bản và làm chủ phong cách trình bày. Điều này phản ánh đúng thực tế dạy và học tiếng Pháp không chuyên hiện nay, khi thời lượng và sự chú trọng vẫn đang nghiêng về các yếu tố ngôn ngữ bề mặt hơn là tư duy tổ chức văn bản chuyên sâu.

Tuy nhiên, nghiên cứu này vẫn còn một số hạn chế nhất định. Thứ nhất, dữ liệu hoàn toàn dựa trên sự tự đánh giá của sinh viên, do đó khó tránh khỏi các yếu tố chủ quan. Thứ hai, nghiên cứu chưa thực hiện đối sánh giữa kết quả tự đánh giá với điểm số bài thi thực tế. Thứ ba, mẫu khảo sát chưa phân tích sâu để so sánh sự khác biệt giữa các nhóm sinh viên có nền tảng ngoại ngữ 1 (tiếng Anh) khác nhau.

Mặc dù vậy, các kết quả thu được vẫn là cơ sở dữ liệu hữu ích để giảng viên và nhà

quản lý điều chỉnh chương trình đào tạo. Các nghiên cứu tiếp theo nên kết hợp đánh giá định lượng trên sản phẩm viết thực tế của sinh viên (production écrite) và mở rộng phạm vi khảo sát để có cái nhìn đa chiều hơn về quá trình thụ đắc kỹ năng viết tiếng Pháp.

Tài liệu tham khảo

- Alwaely, S. A., Abdallahi, T., & Alhourani, M. I. (2020). Text structure teaching on the development of persuasive writing skills for high school students in the United Arab Emirates. *Utopía y Praxis Latinoamericana*, 25(12), 230-244.
- Black, P., & Wiliam, D. (1998). Assessment and classroom learning. *Assessment in Education: Principles, Policy & Practice*, 5(1), 7-74. <https://doi.org/10.1080/0969595980050102>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2014). *Thông tư ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (01/2014/TT-BGDĐT)*.
- Cornaire, C., & Raymond, P. M. (1994). *Le point sur la production écrite en didactique des langues*. Montréal: Centre Éducatif et Culturel (CEC).
- Council of Europe. (2001). *Common European framework of reference for languages: Learning, teaching, assessment*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Earl, L. M. (2012). *Assessment as learning: Using classroom assessment to maximize student learning*. Thousand Oaks, CA: Corwin Press.
- Ferris, D. R. (2003). *Response to student writing: Implications for second language students*. Mahwah, NJ: Lawrence Erlbaum Associates.
- Ferris, D. R. (2011). *Treatment of error in second language student writing* (2nd ed.). Ann Arbor: University of Michigan Press.
- Figueredo, L. (2006). Using the known to chart the unknown: A review of first-language influence on the development of English-as-a-second-language spelling skill. *Reading and Writing*, 19(8), 873-905.
- Freinet, C. (1964). *Les techniques Freinet de l'école moderne*. Paris: Armand Colin.
- Galisson, R., & Coste, D. (1976). *Dictionnaire de didactique des langues*. Paris: Hachette.
- Hồ, T. A. (2012). Day-học kỹ năng viết tại khoa tiếng Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế: Thực tế và giải pháp đề xuất. *Tạp chí Khoa học, Đại học Huế*, 72B(3), 87-96.
- Hyland, K. (2019). *Second language writing* (2nd ed.). Cambridge: Cambridge University Press.
- Kreiner, D. S., Schnakenberg, S. D., Green, A. G., Costello, M. J., & McClain, A. F. (2002). Effects of spelling errors on the perception of writers. *The Journal of General Psychology*, 129(1), 5-17.
- Lữ, Q. V., Bùi, N. N. D., Hồ, T. M. T., & Lê, T. N. L. (2024). Lỗi thường gặp trong các bài viết của sinh viên tiếng Pháp Trường Đại học Cần Thơ: Thực trạng và khuyến nghị. *Tạp chí Giáo dục*, 24(special issue), 311-316.
- Nation, I. S. P. (2001). *Learning vocabulary in another language*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Nguyen, T. T. L. (2021). Learning EFL writing in Vietnam: Voices from an upper-secondary school's students. *The Journal of Asia TEFL*, 18(4), 1195-1212.
- O'Sullivan, Í. (2010). Using corpora to enhance learners' academic writing skills in French.

Revue Française de Linguistique Appliquée, 15(2), 21-35.

Paré, A. (2003). *Le journal: Instrument d'intégrité personnelle et professionnelle*. Sainte-Foy, Québec: Presses de l'Université Laval.

Plane, S. (2006). Singularités et constantes de la production d'écrit: L'écriture comme traitement de contraintes. In J.-L. Dufays & S. Plane (Eds.), *L'écriture: La construction des savoirs et le sujet écrivant* (pp. 33-54). Namur: Presses Universitaires de Namur.

Raimes, A. (1983). *Techniques in teaching writing*. Oxford: Oxford University Press.

Ryan, S. (2023). Coherence and cohesion in an ESL academic writing environment: Rethinking the use of translation and FOMT in language teaching. *The Interdisciplinary Journal of Student Success*, 2, 69-79.

Vigner, G. (2015). L'écrit et la langue: Quelles priorités? Quelles articulations? *Revue de Didactologie des Langues-Cultures et de Lexiculturologie*, 1(3), 269-280.